

Số: *1131* /QĐ-UBND

Gia Bình, ngày *05* tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức và hợp đồng 68

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN GIA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 223/2013/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ công chức cấp xã và công tác tổ chức, cán bộ ở các doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc điều chuyển chỉ tiêu biên chế viên chức và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2017;

Căn cứ Thông báo số 97/TB-SNV ngày 09/9/2015 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh về Chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục và đào tạo năm học 2015-2016;

Căn cứ Thông báo số 28/TB-SNV ngày 04/5/2016 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh về Chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức và hợp đồng 68 năm 2016;

Xét đề nghị của Phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức và hợp đồng 68 như sau:

1. Biên chế công chức: Tổng số 80 chỉ tiêu, cho 12 cơ quan quản lý nhà nước và Trung tâm Hành chính công huyện.
2. Biên chế viên chức: Tổng số 1.573 chỉ tiêu, cụ thể:
 - 2.1. Biên chế sự nghiệp Giáo dục và đào tạo 1.530 chỉ tiêu, gồm:
 - a. Cấp học Mầm non: 531 chỉ tiêu (gồm Cán bộ quản lý 45 chỉ tiêu, Giáo viên 456 chỉ tiêu, Cán bộ văn phòng 30 chỉ tiêu).
 - b. Cấp học Tiểu học: 512 chỉ tiêu (gồm Cán bộ quản lý 32 chỉ tiêu, Giáo viên 418 chỉ tiêu, Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội 15 chỉ tiêu; Cán bộ thư viện, thiết bị 16 chỉ tiêu; Cán bộ văn phòng 31 chỉ tiêu).
 - c. Cấp học Trung học cơ sở: 454 chỉ tiêu (gồm Cán bộ Quản lý 31 chỉ tiêu, Giáo viên 333 chỉ tiêu, Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội 15 chỉ tiêu; Cán bộ thư viện, thiết bị, thí nghiệm 30 chỉ tiêu; Cán bộ văn phòng 45 chỉ tiêu).



d. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 33 chỉ tiêu.

2.2. Biên chế sự nghiệp Văn hóa-Thể thao: 21 chỉ tiêu, gồm:

- Văn phòng HĐND và UBND: 01 chỉ tiêu.
- Trung tâm Văn hóa-Thể thao: 11 chỉ tiêu.
- Đài Phát thanh: 09 chỉ tiêu.

2.3. Biên chế sự nghiệp khác: 22 chỉ tiêu, gồm:

- Trạm Khuyến nông: 18 chỉ tiêu.
- Ban An toàn giao thông: 01 chỉ tiêu.
- Hội Chữ thập đỏ: 01 chỉ tiêu.
- Hội Người mù: 01 chỉ tiêu.
- Kho lưu trữ: 01 chỉ tiêu.

3. Hợp đồng 68: 10 chỉ tiêu.

4. Định xuất biên chế : 01 chỉ tiêu (mức hỗ trợ cho 01 định xuất biên chế tương ứng với mức ngân sách nhà nước cấp cho 01 chỉ tiêu biên chế) cho Ban Đại diện Hội Người cao tuổi.

Điều 2. Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao, Trưởng phòng Tài chính kế hoạch huyện phân bổ kinh phí tiền lương, tiền công, hành chính và các khoản đóng góp khác cho các đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng biên chế đúng chỉ tiêu, cơ cấu, vị trí việc làm được giao và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 09/8/2017.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính kế hoạch, các đơn vị được giao biên chế và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *luong*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (b/c);
- TTHU-HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH**

GIAO CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, HỢP ĐỒNG 68

(Kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện)

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Biên chế viên chức giáo dục DT	Biên chế sự nghiệp Văn hóa T T	Biên chế sự nghiệp khác	Hợp đồng LĐ 68	Định xuất biên chế	Chi chú
I	Khối quản lý hành chính (1+...+12)	80						
1	Văn phòng UBND và UBND huyện	13						
	Trung tâm Hành chính công	3						
2	Thanh tra	5						
3	Phòng Nội vụ	5						
4	Phòng Tư pháp	3						
5	Phòng Tài chính kế hoạch	8						
6	Phòng Kinh tế và hạ tầng	6						01 viên chức biệt phái đến
7	Phòng Tài nguyên và môi trường	9						
8	Phòng Nông nghiệp và phát triển N T	7						01 viên chức biệt phái đến
9	Phòng Văn hóa và thông tin	4						01 viên chức biệt phái đến
10	Phòng Giáo dục và đào tạo	8						
11	Phòng Lao động, thương binh và xã hội	6						
12	Phòng Y tế	3						
II	Khối Giáo dục DT (1+2+3+4)		1.530					
1	Cấp học Mầm non		531					
2	Cấp học Tiểu học		512					
3	Cấp học Trung học cơ sở		454					01 biệt phái đi Phòng Nông nghiệp và PTNT, 01 biệt phái đi Phòng Kinh tế và HT
4	Trung tâm (giáo dục NN-Giáo dục TX		33					



III Khối sự nghiệp Văn hóa T T (1+2+3)									
1	Văn phòng HDND và UBND huyện								
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao								01 biệt phái đi Phòng Văn hóa và T T
3	Đài Phát thanh huyện								
IV Sự nghiệp khác (1+2+3+4+5)									
1	Trạm Khuyến nông								
2	Phòng Kinh tế và HT (biên chế an toàn giao thông)								
3	Phòng Y tế (biên chế Hội chữ thập đỏ)								
4	Hội Người mù								
5	Phòng Nội vụ (biên chế Kho lưu trữ)								
V Hợp đồng lao động 68 (1+2+3+4+5+6)									
1	Văn phòng HDND và UBND huyện								
2	Phòng Tài nguyên và môi trường								Biệt phái
3	Phòng Kinh tế và hạ tầng								Biệt phái
4	Phòng Tư pháp								Biệt phái
5	Hội Người mù								Biệt phái
6	Trung tâm Hành chính công								Biệt phái
VI Định xuất biên chế (1)									
1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi								1



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH

GIAO CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ KHỐI GIÁO DỤC NĂM HỌC 2017 - 2018
CẤP HỌC: MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Trưởng	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Cán bộ văn phòng	
1	Bình Dương	28	3	23	2	
2	Cao Đức	24	3	19	2	
3	Đại Bái	53	3	48	2	
4	Đại Lai	40	3	35	2	
5	Đông Cứu	33	3	28	2	
6	Giang Sơn	35	3	30	2	
7	Lãng Ngâm	37	3	32	2	
8	Nhân Thắng	44	3	39	2	
9	Quỳnh Phú	39	3	34	2	
10	Sông Giang	29	3	24	2	
11	Thái Bảo	29	3	24	2	
12	Thị trấn Gia Bình	35	3	30	2	
13	Vạn Ninh	36	3	31	2	
14	Xuân Lai	47	3	42	2	
15	MN Liên Cơ	22	3	17	2	
Cộng		531	45	456	30	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH**

**GIAO CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ KHỐI GIÁO DỤC NĂM HỌC 2017 - 2018
CẤP HỌC: TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Trường	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Cán bộ Quản lý	Giáo viên văn hóa, tín học, tiếng Anh	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Cán bộ thư viện, thiết bị	Cán bộ văn phòng		
1	Bình Dương	28	2	22	1	1	1	2	
2	Cao Đức	26	2	20	1	1	1	2	
3	Đại Bái	51	3	43	1	1	1	3	
4	Đại Lai	33	2	27	1	1	1	2	
5	Đông Cứu	33	2	27	1	1	1	2	
6	Giang Sơn	34	2	28	1	1	1	2	
7	Lãng Ngâm	38	2	32	1	1	1	2	
8	Nhân Thắng	43	2	37	1	1	1	2	
9	Quynh Phú	29	2	23	1	1	1	2	
10	Sông Giang	33	2	27	1	1	1	2	
11	Thái Bảo	30	2	24	1	1	1	2	
12	Thị trấn Gia Bình	52	3	44	1	1	2	2	
13	Vạn Ninh	34	2	28	1	1	1	2	
14	Xuân Lai 1	27	2	21	1	1	1	2	
15	Xuân Lai 2	21	2	15	1	1	1	2	
Cộng		512	32	418	15	16	31		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH**

**GIAO CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ KHỐI GIÁO DỤC NĂM HỌC 2017 - 2018
CẤP HỌC: TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Kèm theo Quyết định số 4431/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Trường	Tổng số	Trong đó					Ghi chú
			Cán bộ quản lý	Giáo viên văn hóa, GD CD, tin học	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Cán bộ thư viện, thiết bị, thí nghiệm	Cán bộ văn phòng	
1	Bình Dương	25	2	17	1	2	3	
2	Cao Đức	25	2	17	1	2	3	
3	Đại Bái	38	2	30	1	2	3	
4	Đại Lai	30	2	22	1	2	3	
5	Đông Cứu	27	2	19	1	2	3	
6	Giang Sơn	30	2	22	1	2	3	
7	Lãng Ngâm	31	2	23	1	2	3	
8	Lê Văn Thịnh	44	3	35	1	2	3	
9	Nhân Thắng	28	2	20	1	2	3	
10	Quỳnh Phú	25	2	17	1	2	3	Thực hiện 24. 01 biệt phái đến Phòng NN và PTNT
11	Song Giang	28	2	20	1	2	3	
12	Thái Bảo	25	2	17	1	2	3	
13	Thị trấn Gia Bình	36	2	28	1	2	3	
14	Vạn Ninh	29	2	21	1	2	3	
15	Xuân Lai	33	2	25	1	2	3	Thực hiện 33. 01 biệt phái đến Phòng Kinh tế và HT
Cộng		454	31	333	15	30	45	